

Thiền Vị, Đạo Vị, Thi Vị trong văn chương Việt Nam

ISSN: 2734-9195

11:05 07/03/2026

Diễn giả không phải là Tăng già, cũng không phải là phật tử, diễn đàn cũng không phải là thiền phòng trúc viện; nhưng mà, chúng ta được chút nhân duyên gặp gỡ vài giờ, đàm đạo năm ba câu chuyện thi vị trong thiền gia.

Nhân dịp Lễ hội kỷ niệm 290 năm thành lập Tao Đàn Chiêu Anh Các (1736-2026) diễn ra tại tỉnh An Giang tuần đầu tháng 3/2026. Lễ hội diễn ra lễ khánh thành dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Nhà lưu niệm thi sĩ Đông Hồ và Mộng Tuyết - Phục dựng Trí Đức học xá.

Tạp chí NCPH trân trọng giới thiệu đến bạn đọc bài diễn thuyết của nhà giáo, nhà thơ, chuyên gia nghiên cứu tiếng Việt và là một người nhiệt tình với văn hóa dân tộc Việt Nam, cha đẻ Thư pháp Việt ngữ (dùng bộ chữ cái La-tinh), Cư sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906-1969).

Buổi diễn thuyết tại Lễ đài Phật đản, bến Bạch Đằng ngã ba đại lộ Nguyễn Huệ và bến Bạch Đằng, Sài Gòn PL.2508-DL.1964:

Bài 1: Cung Oán Ngâm Khúc

Xưa nay, nói đến **Phật giáo**, là nói đến khổ hạnh tu hành, trai giới khổ hạnh, có như nói cái gì xả thân diệt dục. Mà nói đến thi ca là nói đến lãng mạn phá giới, có như nói cái gì sống ngoài vòng giới cấm.

Ấy như thế mà lạ lùng thay, trong văn chương Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của Phật giáo trong đó không ít. về nội dung tín ngưỡng, cũng như về hình thức ngoại cảnh.



(Ảnh: Internet)

Lâu nay liệt vị tất cũng đã nhiều lần được nghe các đại đức cao tăng thuyết pháp, được nghe các giáo sư triết học diễn giảng về triết lý cao siêu, về tư tưởng thâm trầm của Phật giáo, và học thuyết này đã ảnh hưởng sâu đậm vào vũ trụ quan, nhân sinh quan trong quan niệm tư tưởng, trong văn học nghệ thuật Việt Nam như thế nào rồi. Ở đây, tôi xin phép lướt đi mà không nói về điểm đó. Tôi chỉ nói riêng về văn chương. Mà văn chương thì bao la mênh mông lắm, hằng hà sa số, biết nói làm sao cho cùng. Cho nên tôi chỉ xin nói riêng về một điểm thiền vị trong thi ca Việt Nam mà thôi.

Tôi không định nghĩa thế nào là thiền vị, thế nào là đạo vị, và thế nào là thi vị. Vì làm sao mà định nghĩa cho rõ ràng được một cái gì như có hình có sắc, như nhìn thấy được, bắt lấy được; mà lại cũng như không có màu sắc phân minh, không có bóng hình nhất định, mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, mà lạ lùng thay nó vẫn có đó, nó phảng phất quanh quẩn đâu đây, nó lảng vảng vẫn lơ lửng trong tâm trí như làn khói trầm hương từ ngàn xa bát ngát, như tiếng hồng chung vọng giữa đêm thanh tĩnh thâm trường.

Làm sao mà định nghĩa được cho rõ ràng cái gì nó đã xâm chiếm tâm hồn ta, có lẽ đã lâu lắm rồi, từ thuở nào mà ta không biết. Nó đã tập nhiễm cho ta thành một tư tưởng suy tư mà ta không dè. Nó đã khiến cho lòng ta yêu thích, một thứ yêu thích không đắm đuối hẳn mà chỉ có một chút say mê, không quyến luyến lắm mà sao không rời bỏ được. Mùi trầm hương đó, tiếng hồng chung đó hình như nhắc cho ta nhớ nhưng một tiền kiếp chân thân từ nghìn xưa sâu thẳm. Nếu chúng ta là thi nhân, mà ai lại không thể trở thành thi nhân trong thời khắc huyền ảo thâm trầm như vậy; tự nhiên ta sẽ cất tiếng ngâm nga, để nói lên nỗi niềm cảm xúc. Bây giờ, thơ của chúng ta đã có trộn lẫn mùi thiền và mùi đạo ít

nhiều trong đó mà chúng ta không dè nữa.

Người Việt Nam còn ai không thuộc chuyện Quan Âm Thị Kính, và chuyện Vu Lan Bồn tức chuyện Mục Kiền Liên. Hai áng văn đó bản thân đã thành hẳn là Phật truyện diễn ca, cốt chuyện hoàn toàn là sự tích nhà Phật, được coi đó là hai bản kinh rồi. Tôi xin phép lược đi mà không nói đến.

Bắt đầu, tôi hãy dẫn Cung Oán Ngâm Khúc.

Một áng văn than vãn nỗi oán hờn của một người cung nữ đối với quân vương, đương nhiên là phải tả ra những lạnh lẽo, thê lương nơi cung cấm, nói lên những tiêu điều, vắng vẻ của lòng người, kể lể bao đoạn khổ tình thương của một đời thanh xuân mơn mớn bị giam hãm, bị trói buộc một nơi để làm thú vui chốc lát của người đàn ông, có khi bị lãng quên; suốt đời ước ao chờ được giải thoát. Nội dung đó, nếu như ở ngòi bút của một thi sĩ, văn sĩ tây phương thì họ đã khai thác đề tài trên địa hạt sinh lý, hoặc xét vấn đề theo tâm lý học, phân tâm học, khi tình dục bị dồn nén, bị thiếu thốn.

Ở đây trái lại, tác giả Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều xây dựng ngâm khúc của mình bằng học thuyết nhà Phật:

Ngẫm nhân sự có chi ra thế

Sợi xích thằng chi để vướng chân

Vắt tay nằm nghĩ cơ trần

Nước dương muốn rẫy nguội dần lửa duyên

Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng r ám mùi dâu

Nghĩ thân phù thế mà đau

Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê

Mùi tục lụy lưởi tê tân khổ

Đường thế đồ gót rỏ khi khu

Sóng cồn cửa bể nhấp nhô

Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh

Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật

*Mới thất tình quyết dứt cho xong
Đa mang chi nữa đèo bông
Vui gì thế sự mà mong nhân tình
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đước tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.*

Quý vị vừa nghe đoạn văn vừa kể, có phải y như nghe một đoạn thuyết pháp về sinh lão bệnh tử, về căn quả **nhân duyên**, mà trong đó có hàm chứa biết bao thi vị.

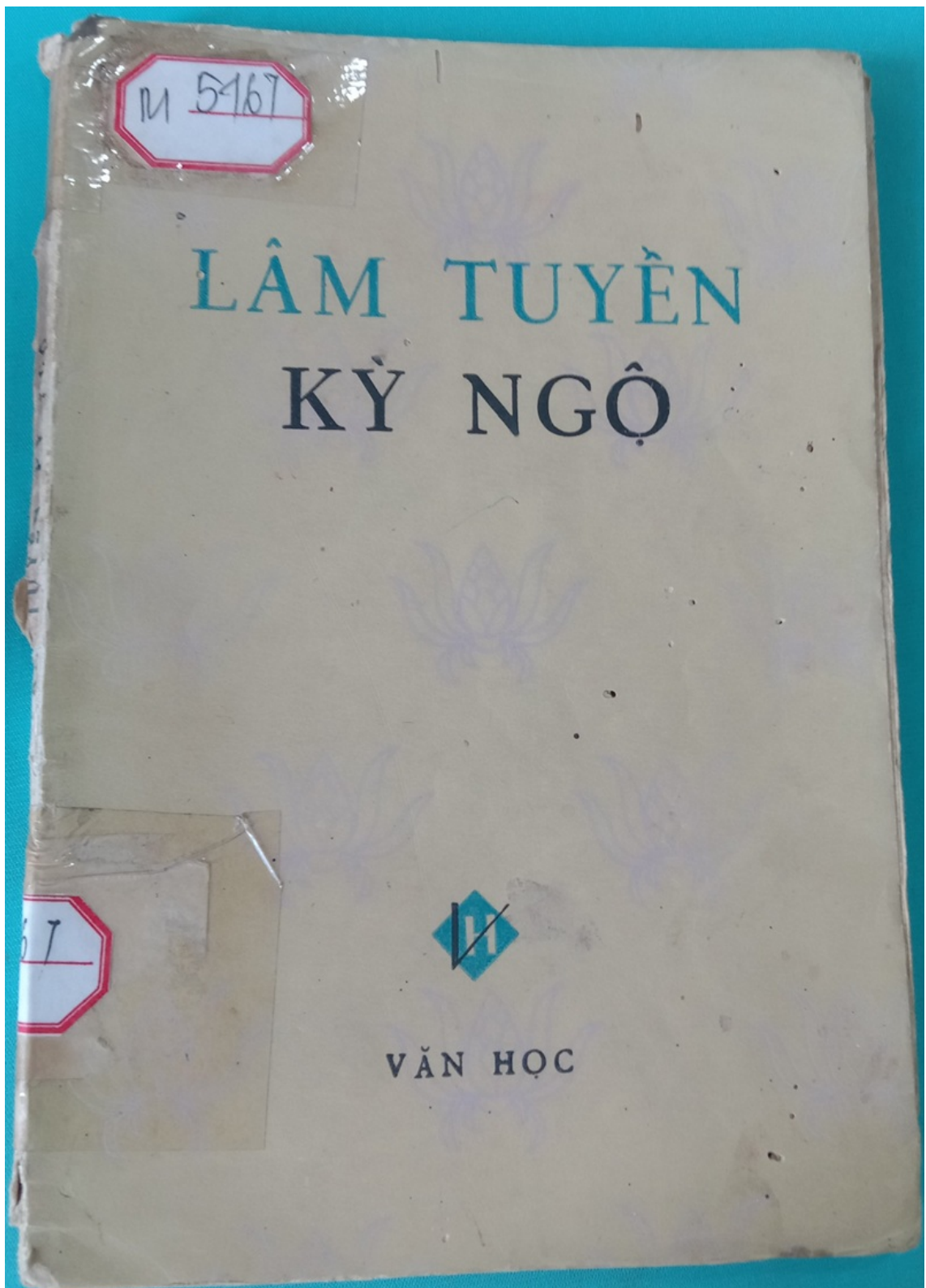
Đến đây, chúng ta lại thấy thêm chẳng những tác giả đã thi vị hóa Phật thuyết bằng văn chương, mà còn thi vị hóa triết lý tôn giáo bằng cả câu chuyện cung oán.

Đọc xong khúc Cung Oán, chúng ta hoát nhiên tỉnh ngộ mà nhận thấy rằng: Trong khoảng vũ trụ bao la, thời gian vô tận, không gian vô cùng nầy, lũ nhân loại chúng sanh kéo dài cuộc sống vô thường, giam hãm kiếp người trong khuôn đào chú, trong vòng chiết ma, lòng vẫn mong mỗi ước ao được có ngày giải thoát cho khỏi kiếp luân hồi, thì vòm trời đất bao la mệnh mông này đối với nhân loại chúng sinh cũng có khác gì vòng cung cấm chặt hẹp của bầy cung nữ phi tần. Chúng ta nếu đã biết thương xót cho số kiếp đọa đầy, duyên phận lao đao của người cung nữ thì chúng ta lại càng phải biết tự thương xót cho duyên phận số kiếp của chúng sinh nhân loại, trong đó có chúng ta lúc nhúc trong khoảng thiên địa gian lạnh lẽo thê lương vô tuyệt kỳ.

Văn thuyết lý thường thì cứng nhắc khô khan, thì văn Cung oán này đã khéo thi vị hóa triết lý, khiến cho đạo lý cũng uyển chuyển nhẹ nhàng linh động theo tiếng nói của văn chương. Thông hiểu đạo lý không cần phải dùng trí não suy tư mà tâm đắc bằng quả tim thông cảm.

Bài 2: Lâm Tuyền Kỳ Ngộ và Bích Câu Kỳ Ngộ

Liệt vị chắc đã có biết chuyện diễn ca phổ biến trong dân gian là truyện Bạch Viên - Tôn Các.



(Ảnh: Internet)

Truyện kỳ ngộ giữa một đôi kiếp tiên, nàng Bạch Viên và chàng Tôn Các, thác sanh xuống trần làm một thực nữ tu hành, và một nho sinh hay chữ. Hai đàng gặp nhau ở chùa Phi Lai. Vì là duyên Phật kiếp tiên cho nên lúc nào cũng lưu luyến cảnh thiền môn am tự. Đi đâu thì đi, rồi lòng cứ khắc khoải nhớ nhung cảnh mây nhàn gió tĩnh mà trở về.

Cũng thì một cốt truyện Bạch Viên Tôn Các này, hồi thời Lê Trịnh, đã có một tác giả khuyết danh làm thành bản truyện Lâm Tuyền Kỳ Ngộ. Bản này không phải làm lối lục bát điển ca, là lối văn thịnh hành về thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Lâm Tuyền Kỳ Ngộ làm lối thơ bát cú thất ngôn như thơ thời Lê Hồng Đức, thơ thời Nguyễn Bình Khiêm. Cả bản truyện gồm trên 140 bài bát cú. Văn chương nhẹ nhàng thanh thoát. Gần phân nửa số bài thơ dành để ca ngợi cảnh trí thanh bình u nhã của nhà chùa.

Nhờ lối trang nghiêm thanh nhã của thơ Nôm Đường luật, nhờ chân thân tiên phong đạo cốt của tác giả, mà suốt tác phẩm Lâm Tuyền Kỳ Ngộ như bâng bạc một khí vị hư ảo u huyền, siêu phàm thoát tục. Bất cứ trích đọc một câu nào chúng ta cũng thấy lời thơ thanh thản lâng lâng.

Gió trúc đưa hương dâng bệ Phật

Cầm thông giòng kệ nước am tuyền

Nước non khuyển sách say mùi đạo

Hoa cỏ đưa tăng tới cửa thiền.

Khuya sớm lân la ngoài ngọn trúc

Hôm mai gặp gỡ dưới am tuyền

Đêm thanh lắng kệ nương xem nguyệt

Ngày vắng nghe kinh nấu bóng hiên

Hương dâng ngày những vùng ô xế

Kệ tụng đêm thâu bóng tỏ tà

Cửa độ ước ao công đức vẹn

Thuyền từ mong mỗi tháng ngày qua.

Trích dẫn như vậy e có rời rạc lắm chẳng, thôi thì tôi xin ngâm để quý vị thưởng thức trọn vẹn một bài, đủ đại biểu cho toàn tập Lâm Tuyền Kỳ Ngộ:

Vẳng vẳng bên tai tiếng pháp chung

Phi lai trông đã cách bờ sông

Gió sầu đòi đoạn bay con trúc

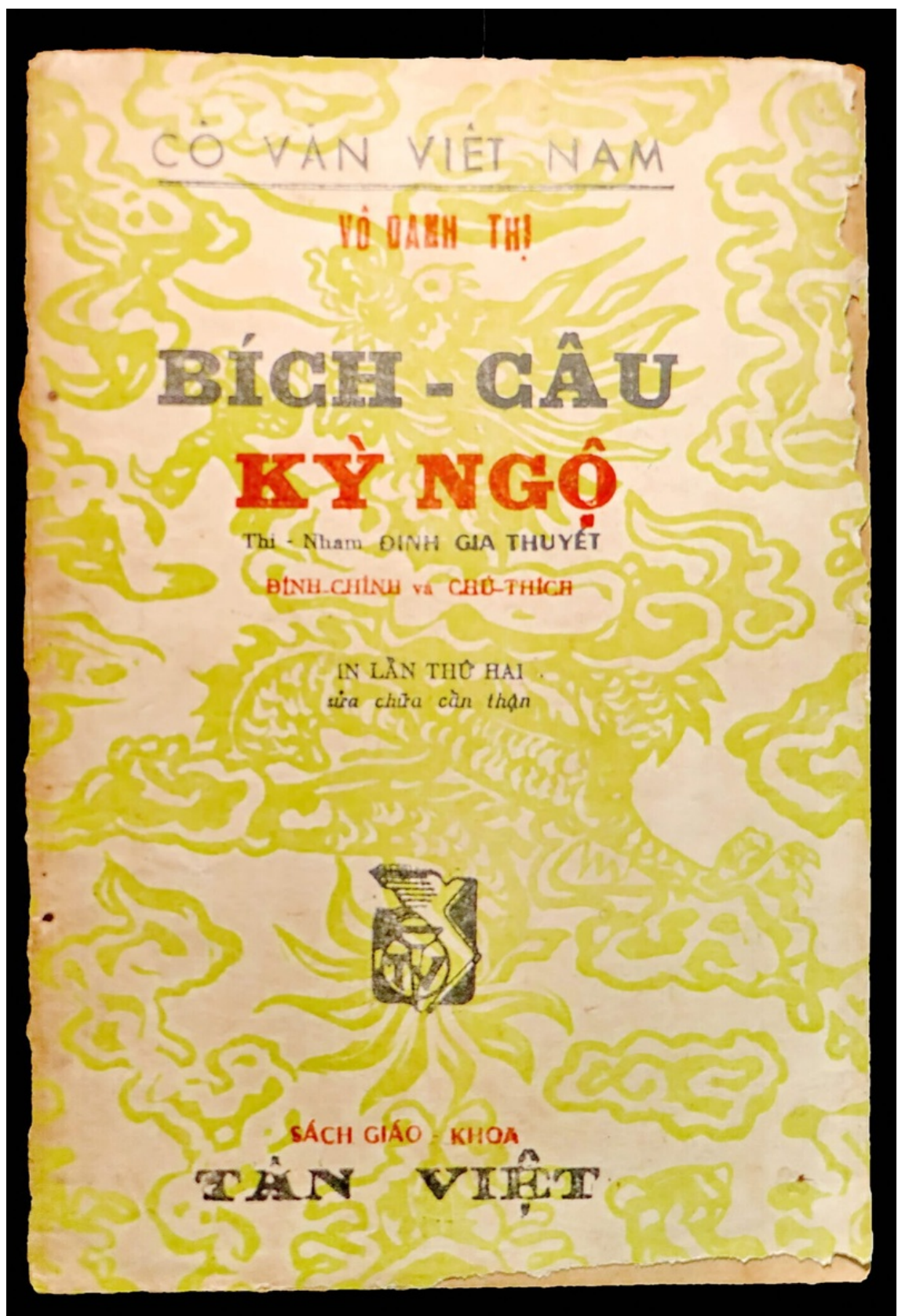
Mây thăm ghe phen gác bóng tùng
Thương khác xa xôi nên lặn độn
Tưởng người ly biệt luống long đong
Buồn chung ai để sầu riêng ấy
Biết nổi này chẳng khách má hồng.

Đã nói đến Lâm Tuyền Kỳ Ngộ thì phải nhắc đến một chuyện kỳ ngộ khác. Đó là truyện Bích Câu Kỳ Ngộ. Câu chuyện hoàn toàn **Việt Nam**, xảy ra trên đất nước Việt Nam. Đây là thiên diễn ca, một trong sáu truyện trích trong bộ Truyền kỳ mạn lục. Bích Câu là tên một phường của 36 phường trong thành Thăng Long xưa, thuộc về làng Yên Trạch, huyện Thọ Xương; vùng Văn miếu Hà Nội. Cũng như Lâm tuyền kỳ ngộ, là duyên gặp gỡ lạ lùng, giữa một tiên nữ đa tình và một thư sinh lãng mạn. Gặp nhau ở hội chùa Ngọc Hồ. Chính bản thân câu chuyện đã cũng nên thơ rồi. Chuyện là chuyện tiên thì thơ tự nhiên cũng phải là thơ tiên. Tôi xin tạm trích đoạn tả cảnh Bích Câu và hội chùa:

Thành tây có cảnh Bích Câu
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao
Đua chen Thu cúc Xuân đào
Lựu phun lửa Hạ mai chào gió Đông
Xanh xanh dấy liễu ngàn thông
Cỏ lan lối mực rêu phong dấu tiều
Một vùng non nước quỳnh dao
Phất phơ gió trúc dập dìu mưa hoa...
Ngọc Hồ có đám trai tăng
Nức nỏ cảnh Phật tung bừng hội tăng
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngõn ngang mã tích sa trần thiếu ai
Thưởng Xuân, sinh cũng dạo chơi
Thơ lưng lưng túi rượu vui vui bầu

Mảng xem cây phạm thú màu
Vùng kim ô đã gác đầu non tề
Tiệc thôi ai nấy cùng về
Gió chiều lay bóng hoa lê la đà
Bên cầu đàn lũ năm ba
Trần tiên trước mắt ai là kẻ hay
Sinh vừa tựa liễu nương cây
Lá hồng đâu đã thôi bay lại gần ...
Thấy người trước cửa tam quan
Theo sau ba bảy con hoàn nhớn nơ
Lạ lòng con mắt người thơ
Hoa còn phong nhụy trắng vừa tròn gương...
Khách rằng trong hội Vô già
Cửa không ngàn giác đấy là từ bi...
Giọng kiều nghe lọt bên tai
Đã gần bể sắc khôn vơi sóng tình
Thưa rằng chút phận thư sinh
Đèn từ soi đến tấm thành với nao
Kỳ viên nở hẹp hời sao
Mở đường phương tiện chút nào được chẳng?...
Bè từ có hẹp chi ai
Dốc đem thuyền giác độ người bến mê
Ngán cho bên cỏi Bồ đề
Phải đường ong bướm đi về đấy sao...

Rằng đây lần xuống mê tân
Tiền duyên xin để kim thân tu đền
Ba sinh chưa vẹn mười nguyên
Nhờ tay kim tướng đưa duyên xích thằng
Gậy linh mượn phép cao tăng
Phá thành sầu khổ cho bằng mới cam...
Người còn gọi gió cột mây
Gót tiên khách đã trở giày làm thỉnh
Ngóng theo đến Quảng Văn đình
Bóng trắng trông đã trên cành lứt hoa
Ơn lòng nhẩn liểu thăm hoa
Biết đâu sắc sắc vẫn là không không
Thoát thôi lẫn bóng ngàn thông
Hương trầm còn thoảng cánh hồng đã khơi.



(Ảnh: Internet)

Kể đến đây, tôi xin phép liệt vị nhắc lại một chuyện vui vui ngày nhỏ. Thuở học trò đang thời say đắm, say đắm nghĩa lý văn chương và say đắm danh lam thắng cảnh. Đọc truyện Từ Thức, đọc truyện Bích Câu, lòng cứ đinh ninh hễ đến hội chùa thì thế nào cũng gặp được những nàng tiên đẹp giáng trần.

Tôi đã có lúc say mê hội chùa. Hội chùa nào tôi cũng đến chơi, lòng những ước ao mơ mộng có lúc mình được là Tú Uyên, tìm ở đó một mối duyên kỳ ngộ. Hiện nay hội chùa có thường và có nhiều, không biết các cậu bây giờ có những mơ ước đại đột nên thơ đó nữa hay không.

Truyện Bích Câu thì phải đợi đến lúc có hội chùa mới tìm gặp mối duyên kỳ ngộ. Truyện Phan Trần thì bạo dạn và phàm tục hơn. Tác giả Phan Trần đã lấy trọn cảnh thiên môn làm bối cảnh cho duyên gặp gỡ giữa Phan Sinh và Diệu Thường.

Trọn vẹn tác phẩm trữ tình được bao bọc nuôi dưỡng trong cảnh vật thiên môn trai giới, nhắc cho chúng ta nhớ rằng: Một vài nét nên thơ thì biết bao thi vị, mà khi đã rậm rạp chi li thì hóa phiền phức tục trần. Thiên vị đã mất mà thi vị cũng không còn nữa. Cho nên tôi xin không muốn trích dẫn truyện Phan Trần để liệt vị nghe trong dịp Khánh đản hôm nay.

Bài 3: Truyện Kiều (1)

Kể từ đầu, tôi đã nhắc đến truyện ngâm khúc, truyện diễn ca, còn một truyện có lẽ liệt vị lấy làm lạ sao mà chưa thấy tôi đã động tới. Tôi bỏ quên hay là tôi dành phần đặc biệt cho bài thuyết trình.

Xưa nay nói đến văn chương Việt Nam, mọi nhà phê bình đều bằng lòng công nhận Truyện Kiều là áng văn kiệt tác đột ngột, vượt lên như một ngọn cô phong độc tú. Chẳng những kiệt tác về phương diện văn học nghệ thuật, về nhân sinh về xã hội mà đến nay xét trên phương diện triết lý Phật giáo, cũng cho chúng ta thấy tác giả Tố Như Nguyễn Tiên Điền quả thật là một nhà thơ thiên tài bách luyện. Xưa nay, mọi người đều biết Truyện Kiều là một chuyện phong tình, nhân vật chủ động trong truyện là một cô gái trắng hoa, nhưng ít có ai ngờ Nguyễn Du đã xây dựng tác phẩm của mình trên nền triết lý giản dị phổ thông của Phật giáo. Đành rằng cốt truyện là sẵn của Thanh Tâm Tài Nhân đời Minh, nhưng yếu tố chính phải là có ngòi bút tài tình của nhà thơ Hà Tĩnh. Vả các truyện Nôm của ta như Hoa Tiên, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Lâm Tuyền Kỳ Ngộ chẳng hạn, chuyện nào không là cốt chuyện Tàu, nhưng vì tác giả các truyện đó không sánh kịp Tố Như mà truyện Kiều vượt bậc.



(Ảnh: Internet)

Nhưng mà thôi, vấn đề đó không thuộc về bài này hôm nay. Ở đây, chúng ta trở lại để tìm thưởng thức mùi thiền và mùi đạo, đã phảng phất từ cảnh vườn Lâm Thúc lan truyền cho đến mặt nước Tiền Đường. Chúng ta không cần bàn rộng đến thuyết nhân quả, đến nghiệp "karma" của nhà Phật, mà Nguyễn Du đã áp dụng chứng minh trong truyện đúng hay là không đúng, mà chỉ biết rằng nhân vật chánh của tác giả là nàng Thúy Kiều đã sống trong nếp tin tưởng đó. Bất kỳ lúc nào nàng Kiều cũng thấy mình bị bao vây bằng một vòng lưới tức khiên, nghiệt chướng không thoát được, rồi lại cũng nhờ dựa vào nhân quả nghiệp duyên đó mà sống, mặc dầu sống trong kiếp yên hoa luân lạc.

Nàng Kiều không phải sống với Kim Trọng, không phải sống với Thúc Sinh, Từ Hải mà thực sự thì nàng đã sống với hai nhân vật nhà Phật. Một là hồn ma Đạm Tiên, hai là sư bà Giác Duyên. Đời nàng Kiều cứ y như gặp lúc khó khăn không giải quyết được, thì có hai nhân vật đó xuất hiện vẽ nẻo chỉ đường, vạch cho một lối thoát. Hồn ma Đạm Tiên đã xuất hiện ba lần trong đời nàng Kiều: Một lần bữa chiều ngày Thanh minh bắt đầu đến trước bạ tên nàng vào sổ đoạn trường, "Âu đành quả kiếp nhân duyên, cùng người một hội một thuyền đầu xa"; một lần thứ hai, đến để ngăn không cho nàng chết khi liễu mạng với Tú bà, bắt nàng phải sống để trả cho hết tiền căn nghiệp báo. "Dĩ rằng: nhân quả dở dang, đã toan trốn nợ đoạn trường được sao"; và một lần thứ ba, đến để giữ sổ cho nàng. "Đoạn trường sổ rút tên ra, đoạn trường thơ phải đón mà trả nhau".

Còn sư bà Giác Duyên. Một lần đầu cho nàng nương nấu ở Chiêu Ân am khi nàng túng đất sẩy chân; lần thứ hai ở doanh trại tướng quân Từ Hải để chứng kiến kết quả của ân của oán, và cũng để thông báo trước lời tiền định của Tam Hợp đạo cô, rồi lần thứ ba cứu vớt nàng ra khỏi trầm luân, sóng nước Tiền Đường, để cho nạn xưa trút sạch.

Liệt vị thính giả chắc không trách tôi kể lể dài dòng. Vì có nêu rõ như vậy mới thấy cả một thiên tình sử thi vị của Nguyễn Du lúc nào cũng chứa chan thiên vị. Tôi không nói ngoa chút nào đâu. Ngay lúc đầu chỗ hội Đạo thanh trong tiết Thanh minh, để dọn cho việc Thúy Kiều tiếp xúc với hồn ma Đạm Tiên, tác giả đã bắt nhân vật của mình nhìn khác với mắt nhìn của khách du Xuân "đổ lá tìm hoa". Trong cảnh "cỏ non xanh rợn chân trời, cành lê trắng điểm" mà lại xen vào trong đó, cảnh "râu râu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh". Trong cảnh rộn rịp tung bừng "ngựa xe như nước, áo quần như nêm" mà xen vào đó cảnh "nấm đất xè xè, vắng tanh hương khói". Tiếp theo đó là cảnh chiều tà bóng xế, âm khí nặng nề:

Kiều rằng những đấng tài hoa

Thác là thể phách còn là tinh anh

Đã hay tình lại gặp tình

Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ

Một lời nói chưa kịp thưa

Phút đầu ngọn gió cuốn cờ đến ngay

Ào ào đổ lộc rung cây

Ở trong đường có hương bay ít nhiều

Đè chừng ngọn cỏ lần theo

Dấu giày từng bước in rêu rành rành

Mặt nhìn ai nấy đều kinh

Nàng rằng này thật tính thành chẳng xa

Hữu tình ta lại gặp nhau

Chớ hề u hiển mới là chị em.

Đọc đoạn văn vừa trích dẫn đó, có phải đúng là chúng ta đang thấy cảnh u ám bi thu thê lương thảm đạm của ngày lễ Vu Lan:

Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt

Toát hơi may lạnh ngắt xương khô

Não lòng thay cảnh chiều Thu
Ngàn lau nhuộm bạc giếng ngô rụng vàng
Đường bạch dương bóng chiều man mác
Ngọn đường lê lác đặc sương sa
Lòng nào lòng chẳng xót xa
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Có khôn thiêng phảng phất u minh
Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc linh đình quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mờ côi lần lửa đêm đen
Còn chi ai khó ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.

Mấy câu trong bài văn Chiêu Hồn trên đó cũng của tác giả Đoàn Trường Tân Thanh, dẫn ra đây so sánh nghe thử đã có khác gì nhau với đoạn văn trước mà Đạm Tiên.

Bài 4: Truyện Kiều (2)

Bắt đầu truyện Kiều, chúng ta đã thấy có mùi thiền mùi đạo. Rồi thì từ đó về sau, hãy còn bao nhiêu lần nữa, chúng ta thử theo bước thi sĩ Tố Như đi vắng cảnh chùa chiền.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Văn truyện Kiều thật là đột ngột, đang giữa tiết tháng Ba quang đăng bỗng có cảnh tháng Bảy sương sa cỏ cháy, sứt sùi ngay trong vườn nhà họ Hoạn ác nghiệt đánh đá chua ngoa, bỗng xuất hiện cảnh bác ái từ bi của Quan Âm các:

Sấn Quan Âm các vườn ta

Có cây trăm thước có hoa bốn mùa

Có cổ thụ có sơn hồ

Cho nàng ra đó giữ chùa chếp kinh.

Đó cũng là một cách Hoạn Thư giam lỏng nàng Kiều, bắt nàng và Thúc Sinh phải thường trực chịu đựng trong cảnh:

Gác kinh viện sách đôi nơi

Trong gang tăt lại gấp mười quan san.

Nhưng mà ở trong cảnh ngục tù đó, êm đềm mát mẻ biết chừng nào. Ngoài phong cảnh thiên nhiên cổ thụ sơn hồ, Hoạn Thư đã lo liệu thật là chu đáo:

Tâng tâng trời mới bình minh

Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường

Đưa nàng đến trước Phật đường

Tam qui ngũ giới cho nàng xuất gia

Áo xanh đổi lấy cà sa

Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền

Sớm khuya tính đủ dầu đèn

Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà.

Giữ chùa chép kinh trong cảnh thanh nhàn đó, lại thêm có hai cô diệuhầu hạ hương trà khuya sớm thì dầu trong cảnh quan phòng then nhậtkhóa mau nữa, ai mà không muốn tu cho trót.

Nàng từ lách gót vườn hoa

Dường gần rừng tía đường xa bụi hồng

Nhân duyên đâu lại còn mong

Khỏi điều thẹn phẫn tửi hồng thì thôi

Phật tiên thăm lấp sầuvùi

Ngày pho thủ tự đêm nồitâm hương

Cho hay giọt nước cànhdương

Lửa lòng tưới tắt mọidường trần duyên.

Tất cả chúng ta lấy làm lạ, tại sao mà Hoạn Thư lại phải phục vụ người tình địch của nàng chu tất đến như vậy. Chắc có người nghĩ rằng phải tạo nên ngoại cảnh đó mới đánh bẫy được chàng Thúc Sinh và cô Kiều, cho hai đảng đều không lưu tâm e ngại, lấp lửng thừa ư.

Để đến một hôm, nàng thử vắng nhà, quả nhiên cả Thúc Lang và Trạc Tuyền đều mắc bẫy của nàng giương. Tiểu thư phải buổi vắng an lại nhà tức thì:

Thừa cơ Sinh mới lên ra

Xăm xắm đến chốn vườn hoa với nàng.

Tôi thì nghĩ khác. Hoạn Thư lúc bấy giờ đã nguôi cơn ghen tức, chẳng những cơn ghen lúc đó mới nguôi, mà chắc rằng đã nguôi từ khi:

Giọt hồng canh đã điểm ba

*Tiểu thư nhìn mặt đường đà cam tâm
Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm
Vui này đã bỏ đau ngằm xưa nay
Và đã động lòng trắc ẩn từ khi:
Cúi đầu quì trước sân hoa
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ
Diện tiền trình với tiểu thơ
Thoắt xem đường có ngăn ngơ chút tình
Liên tay trao lại Thúc Sinh
Rằng tài nên trọng mà tình nên thương
Vì căn có số giàu sang
Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên
Bể trần chìm nổi thuyền duyên
Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời.*

Thì việc Hoạn Thư hậu đãi Thúy Kiều ở Quan Âm các là do mối từ tâm, Phật tính vốn sẵn có của lòng người. Điều suy luận của tôi đã có chứng minh: Sau khi nghe hai chàng kể lễ

*Rành rành kể tóc chân tơ
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương
Nổi ông vất vả nổi nàng thở than.*

Cho đến khi chán tai nàng mới rẽ hoa bước vào. Dẫu biết rằng:

*Dối quanh Sinh mới liệu lời
Tìm hoa quá bước xem người chép kinh.*

Mà nàng vẫn cười cười nói nói ngọt ngào. Đó là nàng cười nói ngọt ngào thẳng thắn. Và nàng cũng đã thẳng thắn thưởng thức tài nghệ của cô Kiều:

*Khen rằng bút pháp đã tinh
So vào với thiếp Lan Đình nào thua
Tiếc thay lưu lạc giang hồ
Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài.*

Chúng ta sẽ thấy hành động phát xuất do Phật tính xui nên đó là Hoạn Thư đã gây một cái nhân rất tốt cho mình.

Chúng ta xem đến hồi báo ân báo oán. Giữa cảnh:

*Quân trung gương lớn giáo dài
Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi
Bác đồng chặt đất tinh kỳ rợp sân.*

Chắc chắn rằng bao nhiêu nỗi oán hờn oan khốc mà nàng Kiều chịu đựng trong mười mấy năm trời đều đổ trút tất cả lên đầu một người:

*Dưới cờ gương tuốt nắp ra
Chánh danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.*

Chỉ nghe một tiếng chào của nàng Kiều cũng đủ cho chúng ta đoán được nỗi căm hờn tức tối dâng lên tột độ trong lòng nàng:

*Thoắt trông nàng đã chào thưa
Tiểu thư cũng có bây giờ ở đây!*

Tiếng chào đó quả là tiếng phán quyết cuối cùng rồi. "Bây giờ ở đây!" Trời ơi! Nghe mà khiếp đảm kinh hồn. Và trước khi tuyên án, nàng Kiều cũng đã tuyên bố cho Thúc Sinh biết trước số phận của vợ chàng, để cho chàng khỏi trách:

*Vợ chàng quỉ quái tinh ma
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau
Kiến bò miệng chén chưa lâu
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.*

"Trả nghĩa" cho "mưu sâu". Thiệt là ghê gớm! Tánh mạng của Hoạn Thư thật khó mà an toàn, sau bao nhiêu lời nguyền rủa tuyên bố đó.

Ấy thế mà khi nghe Hoạn Thư nhắc đến một câu; vốn vẹn một câu thôi:

Nghĩ cho khi các chếp kinh

Thì tức khắc:

Truyền quân lệnh xuống tướng tiền tha ngay!

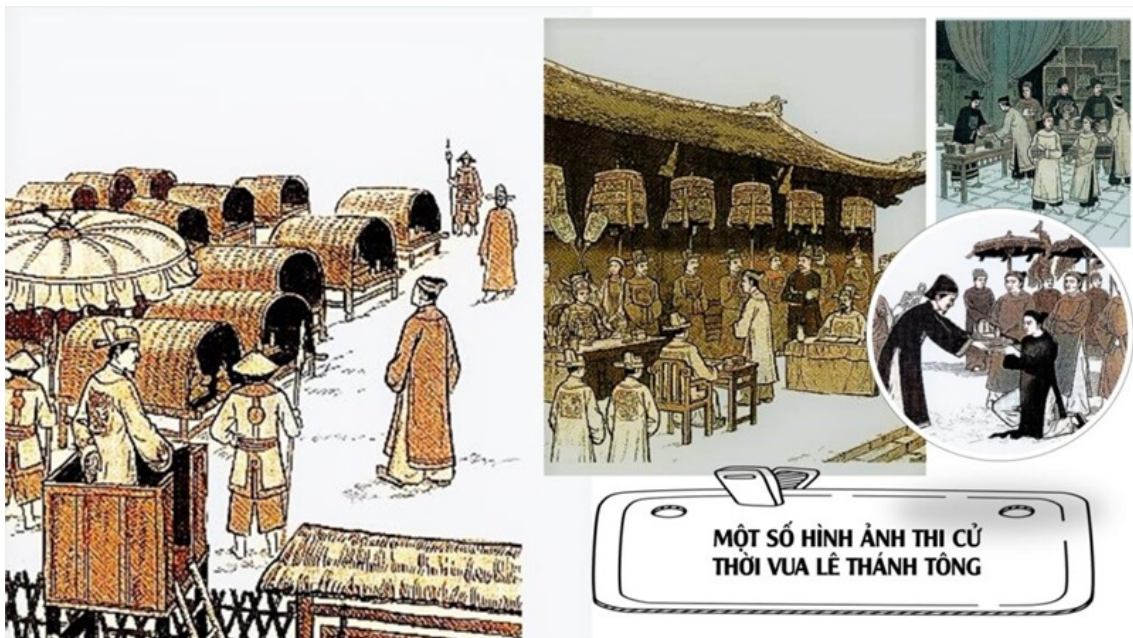
Thật có ai ngờ, bản án của Hoạn Thư được xử nhẹ nhõm dễ dàng, khoan hồng như thế.

Chúng ta đã thấy chưa. Cái nhân lành mà Hoạn Thư gieo ở Quan Âm các là để cho nàng hái được cái quả tốt ở cửa viên môn lúc bấy giờ đó.

Câu: "Nghĩ cho khi các chếp kinh" của Hoạn Thư, và câu: "Truyền quân lệnh xuống tướng tiền tha ngay" của Thúy Kiều, quả là hai câu hàm súc bao nhiêu đạo vị trác tuyệt, bao nhiêu thi vị thâm trầm, nếu không phải là tay thi hào trác tuyệt thâm trầm thì không làm sao mà sáng tạo cho nên.

Bài 5: Thi văn thời Lê

Ngoài những văn chương trường thiên, hãy còn biết bao thi văn khác chứa chan mùi đạo mùi thiền. Trong khu vườn văn học Việt Nam, góc nào mà không có năm, ba đóa hoa Ưu đàm nở cười viên mãn, góc nào mà không có cành lá Bồ đề rủ bóng, thoảng gió chân như. Từ thơ Lê Hồng Đức, thơ Mạc Thiên Tích cho đến Bạch Vân Am, thơ Nguyễn Công Trứ, thơ Vũ phạm Hàm, thơ Chu Mạnh Trinh, thi tập nào cũng có năm, ba bài ca tụng cảnh sơn môn thiền viện.



(Ảnh: Internet)

Chúng ta đã biết cảnh chùa Hương, Nam thiên đệ nhất động, đã có nhiều nhà thơ đề vịnh. Truyền tụng có ba bài: một bài của Lê Thánh Tông, một bài của Vũ Phạm Hàm, và một bài của Chu Mạnh Trinh. Tôi xin trích trộn lẫn mỗi bài ít câu:

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lửng lơ khe suối cá nghe kinh

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng...

Chén vân dịch nghiêng bầu uống găng

Bức thơ tiên mở túi liềm đề

Gót in đá biếc xanh xanh

Lòng trần tục bỗng không thanh thản nhẹ

Mặt trời gác bóng cây xế xế

Tản vân in đáy nước rành rành

Chim trời mây chiếc lênh đênh

Cành mai thụ rập rình năm bảy lá

Quả mơ xanh với nước mơ già

Trong chân cảnh nhận ra chân vị.

Trong chân cảnh có chân vị, chân vị mà các thi nhân nói đây là thiền vị và thi vị mà chúng đang đề cập đó chẳng? Cảnh thanh tịnh yên lành chốn thiền môn đã gây cho chúng ta nguồn thi hứng êm đềm. Nguồn thi hứng ở động Hương Tích đã theo nước suối Giải Oan róc rách không ngừng, luân chảy mãi cho đến gần chúng ta. Ai mà chẳng nhớ bài thơ Chơi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp, đã phổ biến thành nhạc:

Hôm nay đi chùa Hương

Hoa cỏ mờ hơi sương

...

Réo rắt suối đưa quanh

Ven bờ ngọn núi xanh

Dịp cầu xa nhỏ nhỏ

Cảnh đẹp gần như tranh

Đường đây kia lên trời

Ngọc nuốm hương trầm rơi

Em cầu xin trời Phật

Sao cho em lấy chàng

Chắc là liệt vị đang đợi tôi đề cập đến văn chương đời Lý, đời Trần, là hai triều đại mà Phật giáo ở nước ta cực thịnh, được gọi là quốc giáo. Từ vua quan đến sĩ thứ cả nước, trên dưới đều dốc một lòng tín ngưỡng tôn sùng đạo Phật. Chính quyền thời đó đã ủng hộ Phật sự, hoàng dương Phật pháp, để viên thành công đức tế độ chúng sanh. Mà Phật gia Tăng thống thời đó cũng dự vào quốc chính, vô vi thành hữu vi, đem hùng tâm hùng lực, đại từ đại bi tham tán công nghiệp trị quốc, bình thiên hạ. Thể tài sung túc, phong phú như vậy thì phạm vi bài thuyết trình này không làm sao chứa đựng được. Hướng chi, văn chương thời Lý, thời Trần, toàn là văn chương Hán học huyền ảo cao thâm, bài nào chữ nào cũng phải dịch âm dịch nghĩa, diễn dẫn điển tích nhiều lắm mới hiểu được. Việc đó không thích hợp với hoàn cảnh trong buổi nói chuyện phổ thông hôm nay.

Không nói chuyện thời Lý, thời Trần thì chúng ta ghé lại thời Lê một chút. Chúng ta ai mà không thưởng thức quyển tiểu thuyết Hồn bướm mơ tiên của Khải

Hung, câu chuyện yêu đương vớ vẩn giữa anh chàng sinh viên Ngọc với chú tiểu Lan ở chùa Long Giác. Nhất Linh có lần nói chuyện với tôi rằng: Ông rất lấy làm lạ, không hiểu vì sao trong các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, Hồn bướm mơ tiên là cuốn sách được tái bản đều đều, nhiều lần hơn hết. Độc giả không phải hoan nghênh ồn ào trong nhất thời, khi sách mới ra đời, mà đều đều lúc nào cũng còn có người ưa thích. Ai cũng tưởng giữa xã hội vật chất điên cuồng này, thì đa số độc giả ưa "Đoạn tuyệt", ưa "Đời mưa gió", ưa "Lạnh lùng" hơn mới phải. Đàng này không. Thật ra thì độc giả không phải họ ưa gì mối ái tình cao thượng giả tạo kia. Nhưng người Việt Nam chúng ta, dầu không tu hành, dầu không tín ngưỡng cũng sẵn có mối thiện cảm với khung cảnh chùa chiền, sẵn bụng yêu thích những cảnh trí tịch mịch, êm đềm nơi am thanh cảnh vắng, nơi có thể khiến cho lòng chúng ta lặng yên cơn sóng gió thì Hồn bướm mơ tiên là một câu chuyện nên thơ.

Mối quan cảm lẫn lộn giữa thiên vị, đạo vị và thi vị đó đã bắt nguồn sâu xa từ trong tiềm thức vô minh, mà không ai dè; chính người viết sách là Khái Hưng cũng không dè, chính người in sách là Nhất Linh cũng không dè. Tôi vừa nói rằng chúng ta sắp ghé vào thời Lê mà sao lại sang đàng vào chùa Long Giác làm chi? Quý vị có nhớ nhan đề sách Hồn bướm mơ tiên là xuất xứ từ đâu không? Khái Hưng đã mượn bốn tiếng đó trong một bài thơ Nôm, thời Lê Hồng Đức. Thi thoại truyền rằng: Vị Tao Đàn Nguyên soái Lê Thánh Tông một hôm đi vắng cảnh chùa Ngọc Hồ. Vừa đến tam quan thì đã nghe tiếng vàng lanh lảnh nhịp nhàng. Vào chùa thì đó là tiếng một tiểu nữ đang tụng kinh. Tức cảnh, vua sai lấy bút mực để lên vách chùa hai câu thơ lục bát: Đến đây thấy cảnh thấy người; Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần. Và lấy hai câu đó ra đầu bài cho các tụng thần làm thơ. Có bài của Tao Đàn Phó Nguyên soái là Thân Nhân Trung hay hơn cả. Thơ rằng:

Ngẫm chuyện trần duyên khéo nực cười

Sắc không tuy Bụt, hỷ lòng người

Chày kinh một tiếng tan niềm tục

Hồn bướm năm canh lẫn sự đời

Bể ái nghìn tầm khôn tát cạn

Nguồn ân muôn trượng khó khơi vơi

Nào nào Cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười

Vua truyền đưa bài thơ cho tiểu nữ xem. Xem xong, tiểu nữ tâu rằng: Thơ cũng đã hay, lời chải chuốt, giọng nhẹ nhàng. Duy hiềm hai câu tam, tứ chưa đủ gói ghém hết ý cảnh. Vua truyền: Nếu đã chê thì phải chữa cho hay hơn. Tiểu nữ chữa lại: Gió thông đưa kệ tan niềm tục, Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời. Vua và cả Tao Đàn đều thán phục. Khi đạo ngự hồi cung, vua cho kiệu đón tiểu nữ cùng theo về, nhưng đến cửa Đại hưng môn, chợt biến mất. Vua truyền dựng tại đó một ngôi lầu, để ghi tiên tích, đề là "Vọng tiên lầu".

Ấy bốn tiếng "Hồn bướm mơ tiên" là của cô tiểu chữa thơ Thân Nhân Trung mà Khái Hưng đã mượn làm nhan đề cho tác phẩm mình. Hoặc giả nghĩ rằng: chú tiểu Lan trong trong tiểu thuyết ngày nay là hậu thân của cô tiểu trong thiên giai thoại ngày xưa đó chăng?

Biết như vậy, chúng ta mới thấy ngọn "gió thông đưa kệ" ở chùa Ngọc Hồ từ đời Lê Hồng Đức thổi lộng trong thời gian, thoang thoảng mãi không ngừng, cho đến hôm nào đây hóa thành cơn gió chiều khả ái: "Gió chiều hiu hiu... lá rụng" ở bên chùa Long Giác, mà khi đón lấy, chúng ta thấy mát mẻ dịu dàng tâm hồn. Ngọn gió đó đã thổi hồn đạo và hồn thơ lan truyền vào hồn dân tộc.

Bài 6: Thiền và Đạo



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Từ lúc bắt đầu câu chuyện, tôi đã nhắc nhắc lại nhiều lần tiếng thiền vị. Ý nghĩa của tiếng có lẽ trừu tượng quá. Tôi muốn tìm một cái gì để cụ thể hóa danh từ tượng trưng cho thiền vị và đạo vị trong câu chuyện hôm nay. Tôi nhớ đến cây đa cội to bóng rợp, tôi nhớ cổng tam quan sơn son thiếp vàng, nhớ đến mái chùa cong cong rêu phủ. Trong mọi hình thức, mọi cảnh trí đó, thiên nhiên cũng

như nhân tạo hãy còn thiếu một cái gì. Trong lúc dò dẫm suy tầm thì bỗng nghe có tiếng ngân nga. Tôi nhớ ra liền. Chính cái tiếng đó mới cụ thể hóa được cho Thiền và Đạo. Tiếng chuông chùa chẳng những tượng trưng cho thiền vị, đạo vị mà thôi, mà còn tiêu biểu cho tất cả thuộc về Phật giáo.

Tiếng hồng chung là tiếng của cao siêu, của huyền diệu, là tiếng của chánh giác, chơn như, từ bi, hỷ xả, của tế độ và của bao dung. Tiếng chuông cũng làm tan não phiền nghiệp chướng. Tùy lứa tuổi, tùy thời khắc, tùy cảnh ngộ vui buồn mà tiếng chuông vang dội vào mỗi tâm hồn mỗi khác, và mỗi tâm hồn đã hưởng ứng, tiếp nhận tiếng chuông cũng mỗi thanh âm khác nhau.

Lão tăng bất xuất thanh sơn tự

Duy hữu chung thanh tống khách qui.

Thôi thì, tôi hãy kể tiếng chuông dội vào tâm hồn cảm hứng của thi nhân: chuyện đã lâu lắm, từ nước Tàu cổ, nhưng kể lại có làm sao, vì bài thơ đã phổ biến trong làng thơ ta, cũng như Bắc tông Đại thừa từ Tàu truyền sang mà thôi. Thi sử chép rằng: Một đêm về đầu tháng, Trương Kế đỗ thuyền ở bến Phong Kiều. Đêm đã sắp sang canh ba, sương đã buông xuống dày đặc, mảnh trăng non ngả vầng trên nền trời Tây. Thi nhân xúc cảnh làm ngay hai câu: Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên, Giang phong ngư hỏa đối sầu miên. Thi nhân ngâm đi ngâm lại mãi hai câu đó, mà không làm sao nghĩ nối thêm được nữa. Nguồn thi hứng cạn, hay là không có cảnh nên thơ. Thi nhân hết nằm vào mũi thuyền, lại bò ra khoang thuyền đứng ngóng bốn bề, để tìm ý cảnh cho bài thơ nghĩ dở. Đêm đã nửa, thời gian và không gian đều bất ngát tịch liêu. Bỗng từ núi xa vang lại tiếng chuông chùa. Ý thơ đã theo tiếng chuông dội vào cảm hứng của thi nhân. Tức thì, không cần suy nghĩ nhiều hơn, thi nhân chỉ ghi chép lại tiếng chuông kia: Cô tô thành ngoại Hàn San tự, Dạ bán chung thanh tống khách qui. Thi nhân chỉ ghi chép đúng lại tiếng chuông kia, mà câu thơ thành tuyệt cú. Ấy tôi nói có ngoa đâu, câu thơ giản dị nọ thành bất hủ vì đã được thiền vị hóa bởi tiếng chuông chùa, và tiếng chuông tỉnh giữa đêm khuya trở nên mới mẻ cảm cho nhân gian, vì đã được thơ vị hóa.

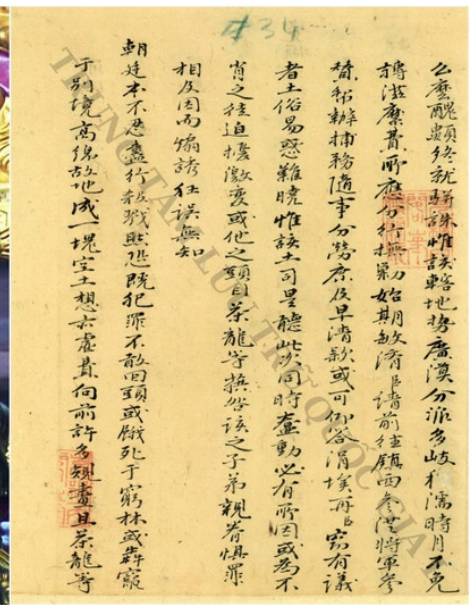
Có ai tò mò muốn biết tiếng chuông chùa nên thơ nọ là tiếng chuông vô vi ngẫu nhiên hay tiếng chuông hữu vi tiền định. Thì thi thoại lại kể thêm rằng: Trương Kế, nhờ có tiếng chuông mà làm được câu thơ đắc ý, sáng hôm sau, hỏi đường lên chơi Hàn San, vắng cảnh. Chùa ở lưng chừng núi, trông ra con sông, màu trời sắc nước long lanh. Vào chùa vấn an sư trưởng trụ trì xong, ra xem chơi cảnh chùa, thì thấy trên vách trai phòng có đề bài thơ, chữ hãy còn tươi mực. Trương Kế đứng lại ngâm nga thưởng thức thì chú tiểu cũng tới gần vui vẻ kể chuyện. Bấy giờ được biết thêm rằng: Đêm qua xong thời kinh chapel tối, sư cụ ra sân

chùa hóng mát. Nhìn lên mảnh trăng lưỡi liềm đã xuất hiện giữa trời, một nét cong thanh tân in trên nền trời khiết bạch. Sư cụ nhắm đọc câu thơ tức cảnh: Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung, Cận tự kim câu, cận tự cung. Nghĩa là đêm mông ba, mông bốn, mảnh trăng non trông gần giống như chiếc móc vàng, mà cũng gần giống như vành cung uốn. Rồi từ đó sơn cùng thủy tận, Sư cụ không nghĩ ra thêm tứ thơ nào nữa. Sư cụ có hơi bực mình, hôm nay sao mà nguồn thi hứng của mình chóng cạn thế, mọi khi thì đã thao thao bất tuyệt kia mà. Bài thơ nếu không tròn thì Sư cụ cứ trần trọc không đi nằm yên được. Chú tiểu đã ngủ một giấc dài, ra ngoài thì thấy Sư cụ hãy còn thơ thẩn trước sân chùa. Thấy thầy nghĩ ngợi bần khoản, chú tiểu không hiểu chuyện quan hệ gì cũng đâm ra lo lắng, mới bạch thầy, để hoặc có thể đỡ bớt cho thầy phần nào lo nghĩ. Sư cụ kể chuyện bài thơ nghĩ dỡ còn thiếu hai câu, mà bụng cười thầm: Chuyện đèn hương đâu mà chú tiểu đỡ dần cho Sư cụ được. Nghe chuyện, chú tiểu ra sân ngoài, đứng tựa gốc bồ đề nhìn ra phong cảnh quanh chùa. Bóng trăng non bây giờ đã ngả thấp xuống gần mặt sông, in bóng xuống đáy nước chập chờn một vành trăng thứ hai, ý cảnh đó đã cấu tứ cho chú tiểu. Chú trở vào bạch Sư cụ rằng chú đã cất cho Sư cụ phần lo nghĩ, và trình hai câu thơ: Thùy bả ngân bàn phân lưỡng đoạn, Bán tâm thủy để, bán phù không. Nghĩa là: "Ai đem mâm bạc bẻ đôi, Nửa in đáy nước, nửa cài trên không".

Sư cụ nghe xong, ngạc nhiên không hiểu vì sao mà đêm nay chú tiểu bỗng trở nên thông minh như vậy. Chắc là nhờ đức vô lượng khai tâm kiến tánh cho, mới dạy chú tiểu vào đốt hương tạ ơn Như Lai. Lễ xong, chú tiểu thỉnh một hồi chuông khoang khoái.

Chính hồi chuông đó, vọng sang tận bến Phong Kiều, đã giúp cho Trương Kế hoàn thành bài thơ bất hủ. Thiên gia và thi gia quả có tiền định nhân duyên.

Kết Luận



Minh họa thi văn thời Nguyễn. Nguồn: Internet

Và còn đây một thi thoại chót: Thời Nguyễn có một nàng công chúa vừa đẹp vừa hay chữ. Vua anh là vua Thánh tổ Minh Mạng, đã chấm cho công chúa một nho sĩ tuần tú, định kén làm phò mã, để sau này sẽ trở nên lương đồng cho triều đình. Nhưng mà công chúa rất mộ đạo từ bi, từ chối việc hôn nhân, bỏ cung cấm, trốn vào Quảng Nam, lên tu ở chùa Non Nước. Vua sắc cho địa phương quan đến nghinh đón và dụ công chúa hồi cung. Nhưng công chúa nhất quyết ở lại chùa, làm một bài thơ gửi về, hẹn rằng ai mà họa được thơ thì sẽ xin xuất các. Bài thơ hay lắm, cần phải ngâm lên mới thưởng thức cho trọn vẹn:

Thế sự nhìn xem rối cuộc cờ

Càng nhìn càng ngắm lại càng dơ

Khua tan tục niệm hồi chuông sớm

Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa

Chu tử chán màu nên vải ấm

Đỉnh chung lợm giọng quá chay ưa

Lên đàn cứu khổ toan quay lại

Bể ái trông ra nước đục lờ.

Truyền rằng: Thơ không ai họa nổi, nên công chúa thoát khỏi oan gia, và viên thành được mối đạo tâm phát nguyện quy y chánh giác.

Chúng ta có thể nào tin được rằng cả một triều đại hoàng kim của thi văn, triều đại của Tùng-Tuy-Siêu-Quát mà không có một người nào họa nổi bài thơ hôm

nọ. Không phải là bài thơ khó đến nỗi không ai họa nổi. Mà thật sự là không ai dám họa.

Đọc bài thơ phát nguyện, thấy rõ tâm kiên quyết, chí vững vàng dốc lòng tu niệm của công chúa mà ai không kính sợ.



Hình minh họa tạo bởi AI

Nãy giờ tôi dẫn chuyện xưa có, chuyện Tàu có, nghĩ cũng lâu lai xa xôi quá. Tôi muốn nói một chuyện gần gần chúng ta để tiêu biểu cho câu chuyện mà tìm hoài không được. Tôi đang lúng túng thì chợt xảy ra ngay trước mắt. Thật là một thi thoại sống, đang sống với chúng ta.

Giữa thủ đô đây, có một cảnh công viên, cảnh trí khá thanh u, tên là vườn Tao Đàn. Tôi không hiểu khi người đổi tên vườn Bồ-rô, vườn Ông Thượng, có dụng ý gì không, không biết. Chắc là thấy tiếng đó hay hay thì lấy đặt tên vườn chớ cũng chẳng nghĩ gì đến tiếng Tao Đàn (viết hoa), tiếng tượng trưng cho thi ca. Dầu sao cũng là một ngẫu nhiên mà thôi.

Ai có ngờ đâu, thiệt là không dè mà mấy hôm nay, danh từ đó bỗng trở nên một tiền định.

Ban Văn-Mỹ-Nghệ của Viện Hóa đạo, mượn khu viên đình trong vườn làm khu triển lãm văn-mỹ-nghệ phẩm liên quan về Phật giáo. Ai đã đến vườn Tao Đàn ba bốn hôm nay mà xem thì phải biết. Chẳng những là riêng một khu viên đình, mà khắp cả cảnh vườn đã biến thành cảnh kỳ viên thiền lâm. Một gốc cây trong vườn là một gốc Bồ đề. Một đóa hoa trong vườn là một đóa Ưu đàm.

Hằng hà sa số Phật tử chúng sanh xa gần nô nức kéo về triển hội. Gian kia bài thơ, gian này câu đối; không câu đối, bài thơ thì hội họa, điêu khắc tranh ảnh, mỗi mỗi đều tượng trưng cho một cái gì rất nên thơ mà cũng đều diễn tả cho đề tài chung là Thiền và Đạo. Tất cả đều phối hợp hòa đồng với nhau làm thành một bài thơ trường thiên hàm chứa bao nhiêu thiền vị và đạo vị. Vườn Tao Đàn bỗng trở thành hội Vô Già, như hội Vô Già trong chuyện Bích Câu chẳng hạn.

Muốn kể cho hết thì nhiều lắm. Tôi vừa chép được một câu đối ở trên đó về đây. Đối rằng:

Phong nhã thuyền giông vời Giác Hải

Ưu đàm hoa rộ bóng Tao Đàn

Con thuyền phong nhã, con thuyền lãng mạn của hàn mặc văn chương đã thấy giông chơi trong vời Giác Hải, mà đóa hoa từ bi của chánh giác chân như, nay lại được thấy rộ bóng giữa Tao Đàn. Tiếng Tao Đàn này có như tiếng chuông chùa Hàn San ngẫu nhiên mà tiền định đó chẳng!

Thiền vị và thi vị có cần tìm đâu xa xôi mới gặp. Thơ có câu:

Nhân qua trúc viện phùng tăng thoại

Hựu đắc phù sinh bán nhật nhàn.

Nghĩa rằng:

Hầu chuyện nhà sư trong viện trúc

Phù sinh hưởng tạm nửa ngày nhàn.

Diễn giả không phải là Tăng già, cũng không phải là Phật tử, diễn đàn cũng không phải là thiền phòng trúc viện; nhưng mà, chúng ta được chút nhân duyên gặp gỡ vài giờ, đàm đạo năm ba câu chuyện thi vị trong thiền gia. Tôi dám ước mong, diễn giả cũng như thính giả, chúng ta hôm nay đều trút được giây lát nổi tục lụy phù sinh, trong cõi hôn hôn túy mộng.

Và xin chấp tay cảm ơn liệt vị.

Tác giả: **Cư sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phát**